

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 09- 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Hà Vĩnh; bà Quách Thị Tình

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 08 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2024/QĐST- HNGĐ ngày 11/09/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Đức T; sinh năm: 1968

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị H và anh T (Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/05/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Đức T chung sống như vợ chồng từ năm 1995 sau đó kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/06/2008 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 15

năm bắt đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Tình trạng hôn nhân như vậy kéo dài khiến chị vô cùng mệt mỏi và chán nản. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Mạnh C, sinh ngày 10/10/1996 và cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 02/06/2008. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Cháu C hiện nay đã đủ tuổi thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H chung sống như vợ chồng từ năm 1995, sau đó kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/06/2008 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Mạnh C, sinh ngày 10/10/1996 và cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 02/06/2008. Hiện nay cháu C đã đủ thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn về cháu Bảo N anh đồng ý giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Đức T. Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 02/06/2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, cháu Bùi Mạnh C đã đủ tuổi thành niên, chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Đức T. Anh T cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản

1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh T cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/06/2008 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên bất hòa kéo dài. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Mạnh C, sinh ngày 10/10/1996 và cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 02/06/2008. Hiện nay cháu C đã đủ tuổi thành niên, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Xét nguyện vọng của chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Bảo N và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh T cũng có nguyện vọng giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy ý kiến của cháu N và cháu N có nguyện vọng ở với bố hoặc mẹ đều được. Xét thấy nguyện vọng của chị H và anh T đều chính đáng. Hiện nay, Chị H có công ăn việc làm ổn định gần nhà, cháu N là con gái cần sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi của người mẹ. Nên chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 02/06/2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị H.

Anh Bùi Đức T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002342 ngày 08/07/2024. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Đức T. Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Ngọc Trạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

